

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ TÍN NGHĨA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ TÍN NGHĨA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIN NGHIA INTERNATIONAL INVEST JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TNI INVEST.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108604688

3. Ngày thành lập: 28/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 14 Lý Văn Phúc , Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986509865

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Không bao gồm được phẩm và dụng cụ y tế.	4649
2.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
3.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
4.	Bán buôn tổng hợp	4690
5.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
6.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
7.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
8.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Không bao gồm hoạt động đấu giá).	6820
9.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
10.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
11.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
12.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
13.	Bán buôn thực phẩm	4632
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
15.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
16.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751

17.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
18.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
19.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Không bao gồm dược phẩm, dụng cụ y tế.	4772
20.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
21.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
22.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
23.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
24.	Chuyển phát	5320
25.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
26.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư.	6619
27.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
28.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
29.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
30.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
31.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
32.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
33.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
34.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
35.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630(Chính)
36.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)	6499
37.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
38.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
39.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
40.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
41.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
43.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
44.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130

45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại 2005).	8299
46.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
47.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào ((Điều 7, 8, 9, 12, 17, 26 Nghị định 67/2013/ ND-CP; Nghị định 08/2018/ND-CP; Nghị định 106/2017/ND-CP)	4634
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế.	4659
49.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
50.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
51.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
52.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh (Điều 7, 8, 9, 12, 17, 26 Nghị định 67/2013/ ND-CP; Nghị định 08/2018/ND-CP; Nghị định 106/2017/ND-CP).	4724
53.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
54.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
55.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
56.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Trừ vàng.	4662
57.	Bán buôn đồ uống	4633
58.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
59.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
60.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
61.	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh đại lý lữ hành. (Điều 40 Luật Du lịch 2017).	7911
62.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế. (Điều 31 Luật Du lịch năm 2017; Nghị định 168/2017/ND-CP).	7912

63.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ karaoke (Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016)	9329
64.	Quảng cáo	7310
65.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
66.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
67.	Dịch vụ đóng gói	8292
68.	Hoạt động thể thao khác	9319
69.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
70.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
71.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
72.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
73.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
74.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
75.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
76.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Trừ vàng.	4773
77.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Trừ vàng.	4789
78.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
79.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
81.	Bốc xếp hàng hóa	5224
82.	Doanh nghiệp cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VŨ HOÀNG SƠN	số 24, ngõ 38, đường Ngọc Hà, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000	0010900094 21	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000		
2	TRẦN TUẤN NGỌC	Số 14 Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000	011609635	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000		
3	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	16 TT Nhà máy điện Yên Phụ, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000	0011870168 98	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000		
4	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Tổ 36, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000	0191880002 98	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VŨ HOÀNG SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 30/07/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001090009421

Ngày cấp: 05/01/2019

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *số 24, ngõ 38, , Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *số 24, ngõ 38, , Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội